

4	Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	Khoa học máy tính	24.600	27.750	31.350	34.485
5	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	Ngôn ngữ Việt Nam; Lịch sử Việt Nam; Quản lý kinh tế	22.500	25.350	28.650	31.515

## 2. Học phí tốt nghiệp chậm tiến độ

Quá thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa học theo Quy chế đào tạo mà học viên chưa hoàn thành xong chương trình thì phải đóng học phí tốt nghiệp chậm tiến độ theo từng học kỳ, mức thu bằng 50% mức học phí của học kỳ trễ hạn cùng khối ngành.

## II. Đào tạo Tiến sĩ

### 1. Học phí trong kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa theo Quy chế đào tạo

*ĐVT: nghìn đồng/năm học*

TT	Khối ngành	Tên ngành đào tạo	Năm học			
			2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Quản lý giáo dục; Giáo dục học(GD Tiểu học); LL&PPDH BM Toán	35.250	39.750	44.750	49.225
2	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	Hóa lý thuyết và hóa lý	38.000	42.750	48.250	53.075

